

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/DS-ST

Ngày: 27-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự (vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đinh Quang Minh;

2/ Bà Nguyễn Ngọc Hiếu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2014/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2014 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) S (sau đây viết tắt là Công ty S); địa chỉ: Lô 2 - 11, khu công nghiệp H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lee IK M, sinh năm 1966–Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Ông Lee IK M ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết vụ án cho bà Lê Thị Tố H, sinh năm 1975–Trưởng Phòng quản lý công nợ, theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2017.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH chăn nuôi G (sau đây viết tắt là Công ty G); địa chỉ: Ấp H (ấp 5), xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Jang Seong S, sinh ngày 13/12/1969; quốc tịch Hàn Quốc; hộ chiếu số: CS 0470757 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 03/12/2004 là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Đại diện nguyên đơn bà Lê Thị Tố H có mặt; đại diện bị đơn bà Jang Seong S vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2013, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/5/2014 và ngày 26/6/2017, biên bản làm việc, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn (bà H) trình bày:***

Công ty S, có trụ sở tại Lô 2 - 11, khu công nghiệp H, huyện T, tỉnh Đồng Nai là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài. Công ty S là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thức ăn gia súc, chăn nuôi heo. Công ty G, có trụ sở tại ấp H (ấp 5), xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Công ty G là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu là chăn nuôi heo.

Ngày 29/8/2011, Công ty S có cho Công ty G vay số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng), việc vay tiền hai bên lập hợp đồng vay tiền ký kết ngày 29/8/2011, địa điểm ký kết tại Công ty S. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày 29/8/2011 đến ngày 31/12/2011 thì bên vay tức Công ty G sẽ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S, khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 14,5%/năm.

Sau khi thỏa thuận và lập hợp đồng vay tiền, phía Công ty S đã chuyển khoản số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) cho Công ty G. Khi vay tiền, Công ty G có giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 199 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/4/2001 với diện tích 51.356,72 m² đất cho Công ty G và 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số N070891 cấp ngày 02/4/2001, diện tích 51.356,72 m², tên công trình là Công ty G có địa chỉ tại Ấp H (ấp 5), xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương để làm tin.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, phía Công ty G có thực hiện việc trả lãi suất đúng như thỏa thuận cho đến hết tháng 7/2013 thì ngưng không trả lãi nữa. Quá thời hạn thanh toán, Công ty S nhiều lần yêu cầu Công ty G có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay gốc và lãi suất đã vay nhưng Công ty G không thanh toán như thỏa thuận.

Ngày 15/4/2013, Công ty S đã khởi kiện yêu cầu Công ty G thanh toán số tiền vay gốc là 10.000.000.000 đồng. Ngày 08/5/2014, Công ty S đã khởi kiện bổ sung yêu cầu Công ty G thanh toán tổng số tiền vay gốc và lãi là 11.087.499.997 đồng. Ngày 26/6/2017, Công ty S khởi kiện bổ sung yêu cầu Công ty G ngoài việc phải trả tiền vay gốc còn phải trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất thỏa thuận là 14,5%/năm tính từ ngày mà phía Công ty G không trả lãi 01/8/2013 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm; phía Công ty S tạm tính đến ngày 29/02/2016 với số tiền lãi suất cụ thể: 10.000.000.000 đồng x 14,5% x 31 tháng = 3.745.854.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi Công ty S yêu cầu Công ty G có nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến ngày 29/02/2016 là 13.745.854.000 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty S xác định chỉ khởi kiện yêu cầu Công ty G ngoài việc phải trả tiền vay gốc còn phải trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 13%/năm tính từ ngày mà phía Công ty G không trả lãi 01/8/2013 đến ngày 29/02/2016 là 3.348.000.000 đồng. Thời gian từ ngày 01/3/2016 đến nay không yêu cầu.

Chứng cứ mà Công ty S cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 01 đơn khởi kiện ngày 15/4/2013, 01 đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/5/2014, 01 đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/6/2017, 01 văn bản ủy quyền ngày 15/4/2013, giấy chứng minh nhân dân và hộ chiếu của bà Trần Xuân T1, thẻ tạm trú của ông BAE KEUK H, 01 bản sao giấy xác nhận về việc đăng ký cơ cấu tổ chức quản lý Công ty S, bản sao giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, bản sao giấy chứng nhận đầu tư, 01 bản sao thư yêu cầu thanh toán nợ ngày 09/4/2013, 01 bản sao thư yêu cầu thanh toán nợ ngày 11/4/2013, 01 bản sao chứng từ giao dịch ngày 26/02/2013, 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 199 QSDĐ/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/4/2001 cho Công ty G; 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, 01 bản sao giấy chứng nhận đầu tư, 01 bản sao Điều lệ Công ty S, 02 văn bản ủy quyền ngày 08/5/2014 của ông BAE KEUK H, 02 bản tự khai ngày 08/5/2013 và ngày 08/5/2014 của ông BAE KEUK H, 01 văn bản ủy quyền ngày 28/6/2017 của nguyên đơn.

*** Bị đơn Công ty G:**

Quá trình thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Công ty G biết và tham gia giải quyết vụ án nhưng Công ty G không hợp tác, cố tình vắng mặt không lý do.

Tại giấy ủy quyền ngày 10/5/2013, bản tự khai ngày 28/5/2013, biên bản hòa giải ngày 28/5/2013, biên bản hòa giải thành ngày 28/5/2013, đại diện theo ủy quyền của Công ty G bà Thái Thu T2 thừa nhận có vay của Công ty S số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) vào ngày 29/8/2011 như phía Công ty S đã trình bày và chấp nhận thanh toán số tiền vay này.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Công ty S bà H có mặt; bị đơn Công ty G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Công ty G theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản). Không kiến

ngợi xem xét, bổ sung thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện nguyên đơn Công ty S là bà H có mặt; bị đơn Công ty G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty G theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2013, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/5/2014 và ngày 26/6/2017 của nguyên đơn Công ty S đã khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn Công ty G. Quá trình thu thập chứng cứ đã xác định được Công ty G có trụ sở tại ấp H (ấp 5), xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương và Công ty G vẫn đang hoạt động tại địa chỉ này nên căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ngày 15/4/2013, Công ty S đã khởi kiện yêu cầu Công ty G thanh toán số tiền vay gốc là 10.000.000.000 đồng. Ngày 08/5/2014, Công ty S đã khởi kiện bổ sung yêu cầu Công ty G thanh toán tổng số tiền vay gốc và lãi suất theo thỏa thuận là 14,5%/năm với tổng số tiền là 11.087.499.997 đồng. Ngày 26/6/2017, Công ty S khởi kiện bổ sung yêu cầu Công ty G ngoài việc phải trả tiền vay gốc còn phải trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất thỏa thuận là 14,5%/năm tính từ ngày mà phía Công ty G không trả lãi 01/8/2013 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, Công ty S xác định khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn Công ty G, yêu cầu Công ty G phải có nghĩa vụ phải thanh toán khoản vay gốc là 10.000.000 đồng theo hợp đồng ký kết ngày 29/8/2011 và tiền lãi phát sinh theo mức 13%/năm được tính từ thời điểm Công ty G ngưng trả lãi từ ngày 01/8/2013 cho đến ngày 29/02/2016. Công ty S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty G, không tính lãi suất 14,5% mà chỉ yêu cầu tính lãi suất với mức 13%/năm và không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/3/2016 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Quá trình làm việc từ ngày Tòa án thụ lý lại đến tại phiên tòa, Công ty G không hợp tác, vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu tính lãi suất theo mức thỏa thuận 14,5% xuống còn mức 13%/năm cũng như không tính lãi suất từ ngày 01/3/2016 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm của Công ty S là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5, 71, 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S về việc yêu cầu Công ty G phải có nghĩa vụ phải thanh toán khoản vay gốc là 10.000.000.000 đồng theo hợp đồng vay tài sản được ký kết ngày 29/8/2011: Ngày 29/8/2011 Công ty S ký hợp đồng cho Công ty G vay số tiền gốc là 10.000.000.000 đồng, việc vay tiền hai bên có lập hợp đồng bằng văn bản. Xem xét hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa các bên đương sự, tại bản tự khai ngày 28/5/2013, biên bản hòa giải ngày 28/5/2013, biên bản hòa giải thành ngày 28/5/2013, Công ty G thừa nhận có vay của Công ty S số tiền 10.000.000.000 đồng nói trên. Đây là tình tiết được các bên đương sự thừa nhận, là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 80 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 được sửa đổi bổ sung năm 2011 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, có căn cứ buộc Công ty G có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền 10.000.000.000 đồng theo quy định tại các Điều 471, 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S về việc yêu cầu Công ty G phải có nghĩa vụ phải thanh toán khoản tiền lãi vay theo hợp đồng vay tài sản được ký kết ngày 29/8/2011: Theo hợp đồng vay tài sản được các bên ký kết ngày 29/8/2011 thì thời hạn vay là 04 tháng (đến ngày 31/12/2011), hai bên đương sự có thỏa thuận lãi suất cho vay là 14,5%/năm (tương đương 1,20%/tháng). Theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố. Theo Quyết định số 2868/QĐ - NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 09%/năm (0,75%/tháng), theo đó, lãi suất thỏa thuận của các bên không được vượt quá 1,125%/tháng. Tại phiên tòa, Công ty S yêu cầu Công ty G phải trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 13%/năm (tương đương 1,08%/tháng) tính từ ngày mà phía Công ty G không trả lãi 01/8/2013 cho đến ngày 29/02/2016 (31 tháng), thành tiền là 3.348.000.000 đồng, yêu cầu khởi kiện của Công ty S là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Khi vay tiền, Công ty G có giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 199 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/4/2001 với diện tích 51.356,72 m² đất cho Công ty G và 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số N070891 cấp ngày 02/4/2001, diện tích 51.356,72 m², tên công trình là Công ty G có địa chỉ tại Ấp 5 (H), xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương để làm tin. Công ty S không có chức năng cho vay, nhận cầm cố, nhận thế chấp nên việc giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng của phía Công ty S là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử buộc phía Công ty S phải hoàn trả lại các giấy tờ trên cho phía Công ty G theo quy định.

[7] Quá trình thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn

Công ty G tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn Công ty G cố tình vắng mặt không lý do nên không xem xét ý kiến của bị đơn Công ty G.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, về nội dung vụ án là phù hợp pháp luật.

[9] Bị đơn Công ty G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Theo Công văn số 1110/CCTHA ngày 25/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D xác định, Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đã xử lý phần án phí theo Quyết định số 179/QĐST-DS ngày 06/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện D như sau:

- Ngày 26/6/2013, Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đã ban hành Quyết định thi hành án số 2204/QĐ-CCTHA, cụ thể:

+ Công ty S phải nộp 47.200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 59.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00763 ngày 25/4/2013. Ngày 01/7/2013, Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đã chuyển án phí nêu trên bằng biên lai số 06693 để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Công ty G phải nộp 11.800.000 đồng. Ngày 09/7/2013, Công ty G đã nộp số tiền án phí nêu trên theo biên lai thu tiền số 06817.

- Ngày 26/6/2013, Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đã ban hành Quyết định thi hành án số 2105/QĐ-CCTHA, theo đó hoàn trả cho Công ty S số tiền 11.800.000 đồng đã đóng tạm ứng án phí. Ngày 24/7/2013, Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đã chuyển khoản hoàn trả cho Công ty S.

Do Quyết định số 179/QĐST-DS ngày 06/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng nghị và tại Quyết định Giám đốc thẩm số 06/2014/DS – GĐT ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã hủy Quyết định số 179/QĐST-DS ngày 06/6/2013 nêu trên. Do đó, các khoản án phí mà các bên đương sự đã nộp nêu trên sẽ được xử lý khấu trừ và hoàn trả cho các bên theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản) giữa Công ty TNHH S đối với Công ty TNHH chăn nuôi G.

Buộc Công ty TNHH chăn nuôi G có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty TNHH S với số tiền là 13.348.000.000 đồng (mười ba tỷ ba trăm bốn mươi

tám triệu đồng), trong đó số tiền vay gốc là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) và tiền lãi tính từ ngày ngưng trả lãi 01/8/2013 đến ngày 29/02/2016 là 3.348.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty TNHH S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH chăn nuôi G không thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng Công ty TNHH chăn nuôi G còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm

- Công ty TNHH chăn nuôi G phải chịu số tiền 121.348.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Sau khi khấu trừ số tiền 11.800.000 đồng (mười một triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 06817 ngày 09/7/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, Công ty TNHH chăn nuôi G còn phải nộp số tiền là 109.548.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Hoàn trả cho Công ty TNHH S số tiền 47.200.000 đồng (bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 06693 ngày 01/7/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D đã nộp ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 27/9/2017).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo đúng quy định.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CC THA DS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Đồng